

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Tháp, ngày 04 tháng 5 năm 2020

HỢP ĐỒNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM
Số: 522/2020/HĐ-SKHCN

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 22/2011/TTLT-BTC-BKHCN ngày 21/02/2011 của Bộ Tài chính – Bộ Khoa học và Công nghệ Hướng dẫn quản lý tài chính đối với các dự án sản xuất thử nghiệm được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành "Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ";

Căn cứ Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định 39/2015/QĐ-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc Ban hành Quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Quyết định 13/2016/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc Ban hành Quy định một số định mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp và các Quy định hiện hành;

Căn cứ Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2018 của UBND tỉnh Đồng Tháp về việc sửa đổi một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Quyết định số 16/2018/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2018 của UBND tỉnh Đồng Tháp về việc sửa đổi một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 39/2015/QĐ-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Quyết định số 1011/QĐ-UBND.HC ngày 18 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh năm 2019, trong đó có dự án sản xuất thử nghiệm “Sản

xuất phân hữu cơ từ các nguồn phụ phẩm, phế phẩm trong quá trình chế biến cá tra trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp”;

Căn cứ Quyết định số 395/QĐ-UBND-HC ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc phê duyệt kinh phí thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm “**Sản xuất phân hữu cơ từ các nguồn phụ phẩm, phế phẩm trong quá trình chế biến cá tra trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**”

CHÚNG TÔI GỒM:

1. Bên đặt hàng (Bên A): Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Tháp

- Do Ông: **Huỳnh Minh Tuấn**
- Chức vụ: **Giám đốc**, làm đại diện.
- Địa chỉ: 03, Võ Trường Toản, Phường 01, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp.
- Điện thoại: 02773.851 543; 02773.853 395; Fax: 02773.852 281.
- Mã số thuế: 1400635743;
- Tài khoản: 9527.2.1065642; tại Kho bạc Nhà nước Đồng Tháp;

2. Bên nhận đặt hàng (Bên B):

a/ Tổ chức chủ trì thực hiện Dự án: Công ty TNHH Mai Thiên Thanh

- Do Bà: Đặng Thị Thương
- Chức vụ: Giám đốc, làm đại diện.
- Địa chỉ: Số 139, Trương Hán Siêu, K.Mỹ Tây, P. Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp
- Điện thoại: 02773 8383884 Fax: 02773 8383884
- Mã số thuế: 1402090728
- Số tài khoản: 3751.0. 9095157.00000 tại : Kho bạc nhà nước tỉnh Đồng Tháp

b/ Chủ nhiệm Dự án:

- Ông: ThS. Nguyễn Văn Tính
- Địa chỉ: Ấp Tân Lập, xã Tân Phú Trung, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp
- Điện thoại: 0917 725 114
- E mail: maithienthanhmtt@gmail.com

Cùng thỏa thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng thực hiện Dự án sản xuất thử nghiệm (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

Điều 1. Đặt hàng và nhận đặt hàng thực hiện Dự án.

Bên A đặt hàng và Bên B nhận đặt hàng thực hiện Dự án “**Sản xuất phân hữu cơ từ các nguồn phụ phẩm, phế phẩm trong quá trình chế biến cá tra trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**” theo các nội dung trong Thuyết minh Dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (sau đây gọi tắt là Thuyết minh).

Thuyết minh Dự án; biên bản thẩm định kinh phí và các phụ lục kèm theo là bộ phận không tách rời của Hợp đồng.

Điều 2. Thời gian thực hiện Hợp đồng.

Thời gian thực hiện Đề tài là 24 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng.

Điều 3. Kinh phí thực hiện Dự án.

1. Dự án được thực hiện theo hình thức: Khoán chi từng phần.
2. Tổng kinh phí thực hiện Dự án là **5.999.046.400 đồng (Năm tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, không trăm bốn mươi sáu ngàn, bốn trăm đồng)**, trong đó:
 - Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ là: **1.408.802.400 đồng (Một tỷ, bốn trăm lẻ tám triệu, tám trăm lẻ hai ngàn, bốn trăm đồng)**, bao gồm:
 - + Kinh phí giao khoán: **669.272.400 đồng (Sáu trăm sáu mươi chín triệu, hai trăm bảy mươi hai ngàn, bốn trăm đồng)**.
 - + Kinh phí không giao khoán: **739.530.000 đồng (Bảy trăm ba mươi chín triệu, năm trăm ba mươi ngàn đồng)**
 - Nguồn kinh phí từ nguồn ngoài ngân sách Nhà nước (đối ứng của đơn vị chủ trì): **4.590.244.000 đồng (Bốn tỷ, năm trăm chín mươi triệu, hai trăm bốn mươi bốn ngàn đồng)**.
 - 3. Tiến độ cấp kinh phí (Ngân sách nhà nước):

Tiến độ cấp kinh phí được ghi trong Thuyết minh phù hợp với quy định pháp luật.

STT	Năm	Kinh phí được cấp (đồng)
1	2020	729.134.800
2	2021	621.541.600
3	2022	58.126.000
Tổng cộng		1.408.802.400

Kinh phí Bên A cấp tối đa trong thời gian thực hiện Hợp đồng là 90% tổng kinh phí, số còn lại 10% được thanh toán sau khi nghiệm thu, Bên B hoàn chỉnh các sản phẩm khoa học và nộp đầy đủ cho Bên A.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên

- ### **1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A**
- a) Cung cấp các thông tin cần thiết cho việc triển khai, thực hiện Hợp đồng;
 - b) Bố trí cho Bên B số kinh phí từ ngân sách nhà nước quy định tại Khoản 2 Điều 3 Hợp đồng này theo tiến độ kế hoạch, tương ứng với các nội dung nghiên cứu được phê duyệt;
 - c) Phê duyệt kế hoạch đấu thầu, mua sắm máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và dịch vụ của Đề tài bằng kinh phí do Bên A cấp;

d) Trước mỗi đợt cấp kinh phí, trên cơ sở báo cáo tình hình thực hiện Dự án của Bên B, Bên A căn cứ vào sản phẩm, khối lượng công việc đã hoàn thành theo Thuyết minh để cấp tiếp kinh phí thực hiện Hợp đồng. Bên A có quyền thay đổi tiến độ cấp hoặc ngừng cấp kinh phí nếu Bên B không hoàn thành công việc đúng tiến độ, đúng nội dung công việc được giao;

đ) Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất để đánh giá tình hình Bên B thực hiện Dự án theo Thuyết minh;

e) Kịp thời xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết kiến nghị, đề xuất của Bên B về điều chỉnh nội dung chuyên môn, kinh phí và các vấn đề phát sinh khác trong quá trình thực hiện Dự án;

g) Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện Dự án của Bên B theo các yêu cầu, chỉ tiêu trong Thuyết minh;

h) Có trách nhiệm cùng Bên B tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định hiện hành;

i) Phối hợp cùng Bên B xử lý tài sản được mua sắm bằng ngân sách nhà nước hoặc được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của Dự án sử dụng ngân sách nhà nước (nếu có) theo quy định của pháp luật;

k) Tiếp nhận kết quả thực hiện Đè tài, bàn giao kết quả thực hiện Dự án cho tổ chức đề xuất đặt hàng hoặc tổ chức triển khai ứng dụng sau khi được nghiệm thu;

l) Có trách nhiệm hướng dẫn việc trả thù lao cho tác giả nếu có lợi nhuận thu được từ việc ứng dụng kết quả của Đè tài và thông báo cho tác giả việc bàn giao kết quả thực hiện Dự án (nếu có);

m) Ủy quyền cho Bên B tiến hành đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả thực hiện Dự án(nếu có) theo quy định hiện hành;

n) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

a) Tổ chức triển khai đầy đủ các nội dung nghiên cứu của Dự án đáp ứng các yêu cầu chất lượng, tiến độ và chỉ tiêu theo Thuyết minh;

b) Cam kết thực hiện và bàn giao sản phẩm cuối cùng đáp ứng đầy đủ các tiêu chí đã được phê duyệt;

c) Được quyền tự chủ, tự quyết định việc sử dụng phần kinh phí được giao khoán để thực hiện Dự án;

d) Yêu cầu Bên A cung cấp thông tin cần thiết để triển khai thực hiện Hợp đồng;

đ) Kiến nghị, đề xuất điều chỉnh các nội dung chuyên môn, kinh phí và thời hạn thực hiện Hợp đồng khi cần thiết;

e) Yêu cầu Bên A cấp đủ kinh phí theo đúng tiến độ quy định trong Hợp đồng khi hoàn thành đầy đủ nội dung công việc theo tiến độ cam kết. Đảm bảo huy động đủ nguồn kinh phí khác theo cam kết. Sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ hiện hành và có hiệu quả;

g) Xây dựng kế hoạch đấu thầu mua sắm máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và dịch vụ của Dự án bằng kinh phí do Bên A cấp (nếu có) để gửi Bên A phê duyệt và thực hiện mua sắm theo quy định của pháp luật;

h) Chấp hành các quy định pháp luật trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý trong việc giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với Dự án theo quy định của pháp luật;

i) Thực hiện việc tự đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở theo quy định hiện hành khi kết thúc Dự án. Sau khi đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở hoàn chỉnh lại hồ sơ theo kết luận của Hội đồng đánh giá cấp cơ sở, Bên B có trách nhiệm chuyển cho Bên A các hồ sơ để Bên A tiến hành việc đánh giá, nghiệm thu theo quy định pháp luật;

k) Có trách nhiệm quản lý tài sản được mua sắm bằng ngân sách nhà nước hoặc được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của Dự án sử dụng ngân sách nhà nước (nếu có) cho tới khi có quyết định xử lý các tài sản đó của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

l) Có trách nhiệm cùng Bên A tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định;

m) Thực hiện việc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo ủy quyền của Bên A đối với kết quả nghiên cứu (nếu có);

n) Thực hiện đăng ký, giao nộp kết quả thực hiện Dự án tại cơ quan thông tin khoa học và công nghệ quốc gia và tại các tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ theo quy định pháp luật;

o) Công bố kết quả thực hiện Dự án sau khi được Bên A cho phép;

p) Chủ nhiệm Dự án cùng với các cá nhân trực tiếp sáng tạo ra kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được đứng tên tác giả trong Dự án và hưởng quyền tác giả bao gồm cả các lợi ích thu được (nếu có) từ việc khai thác thương mại các kết quả thực hiện Dự án theo quy định pháp luật và các thỏa thuận khác (nếu có);

q) Có trách nhiệm trực tiếp hoặc tham gia triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo yêu cầu của Bên A hoặc tổ chức, cá nhân được Bên A giao quyền sở hữu, sử dụng kết quả thực hiện Đề tài;

r) Thực hiện bảo mật các kết quả thực hiện Dự án theo quy định về bảo vệ bí mật của nhà nước;

s) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Luật khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan.

t) Phân định trách nhiệm của Tổ chức chủ trì thực hiện Dự án và Chủ nhiệm Dự án:

- Tổ chức chủ trì thực hiện Dự án chịu trách nhiệm thực hiện các điểm g, k của khoản 2, Điều 4.

- Chủ nhiệm Dự án chịu trách nhiệm thực hiện các điểm a, c, m, p, q của khoản 2, Điều 4.

- Chủ nhiệm Dự án cùng Tổ chức chủ trì thực hiện Dự án chịu trách nhiệm thực hiện các điểm b, d, đ, e, h, i, l, n, o, r, s của khoản 2, Điều 4

Điều 5. Chấm dứt Hợp đồng

Hợp đồng này chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Dự án đã kết thúc và được nghiệm thu.
2. Có căn cứ để khẳng định việc thực hiện hoặc tiếp tục thực hiện Dự án là không cần thiết và hai bên đồng ý chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.
3. Bên B bị đình chỉ thực hiện Dự án theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.
4. Bên B không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu Dự án theo quy định pháp luật.
5. Bên A vi phạm một trong các điều kiện dẫn đến việc Đề tài không thể tiếp tục thực hiện do:
 - a) Không cấp đủ kinh phí theo tiến độ thực hiện Dự án mà không có lý do chính đáng;
 - b) Không kịp thời giải quyết những kiến nghị, đề xuất của Bên B theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Xử lý tài chính khi chấm dứt Hợp đồng

1. Đối với Dự án đã kết thúc và được nghiệm thu:
 - a) Dự án đã kết thúc và đánh giá nghiệm thu từ mức “Đạt” trở lên thì Bên A thanh toán đầy đủ kinh phí cho Bên B theo quy định tại Hợp đồng này.
 - b) Dự án đã kết thúc, nhưng nghiệm thu mức “không đạt” thì Bên B có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số kinh phí ngân sách nhà nước đã cấp nhưng chưa sử dụng; đối với phần kinh phí ngân sách nhà nước cấp đã sử dụng đúng quy định cho Dự án, mức thu hồi cụ thể theo quy định tại Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 30/12/2015 của Bộ Tài chính – Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Đối với Dự án chấm dứt trong quá trình triển khai:
 - a) Trường hợp Dự án chấm dứt khi Bên A có căn cứ khẳng định không còn nhu cầu thực hiện hoặc không thể tiếp tục thực hiện do nguyên nhân khách quan (thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn hoặc các trường hợp khách quan khác do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ xem xét, quyết định) thì hai bên cùng nhau xác định khối lượng công việc Bên B đã triển khai để làm căn cứ thanh toán số kinh phí Bên B đã sử dụng để thực hiện Dự án và thu hồi số kinh phí còn lại đã cấp cho Bên B chưa sử dụng. Bên B không phải hoàn trả kinh phí đã sử dụng để thực hiện Dự án.

2. Trường hợp hai bên thoả thuận ký Hợp đồng mới để thay thế và kết quả nghiên cứu của Hợp đồng cũ là một bộ phận cấu thành nội dung của Hợp đồng mới thì số kinh phí đã cấp cho Hợp đồng cũ được tính vào kinh phí cấp cho Hợp đồng mới và được tiếp tục thực hiện theo Hợp đồng mới.

- c) Trường hợp Bên B không có khả năng hoàn thành nhiệm vụ (có đơn xin dừng thực hiện), Bên B có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số kinh phí ngân sách nhà

nước đã cấp nhưng chưa sử dụng; đối với phần kinh phí ngân sách nhà nước cấp đã sử dụng đúng quy định cho đê tài, mức thu hồi cụ thể theo quy định tại Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 30/12/2015 của Bộ Tài chính – Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Đối với Dự án bị đình chỉ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc Bên B không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu dự án theo quy định của pháp luật thì Bên B có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số kinh phí ngân sách nhà nước đã cấp nhưng chưa sử dụng; đối với phần kinh phí ngân sách nhà nước cấp đã sử dụng đúng quy định cho dự án, mức thu hồi cụ thể theo quy định tại Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 30/12/2015 của Bộ Tài chính – Bộ Khoa học và Công nghệ.

4. Đối với Dự án không hoàn thành do lỗi của Bên A dẫn đến việc chấm dứt Hợp đồng thì Bên B không phải bồi hoàn số kinh phí đã sử dụng để thực hiện Dự án, nhưng vẫn phải thực hiện việc quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Xử lý tài sản khi chấm dứt Hợp đồng

1. Khi chấm dứt Hợp đồng, việc xử lý tài sản được mua sắm hoặc được hình thành bằng ngân sách nhà nước cấp cho Dự án được thực hiện theo quy định pháp luật.

2. Các sản phẩm vật chất của Dự án sử dụng ngân sách nhà nước: nguồn thu khi các sản phẩm này được tiêu thụ trên thị trường sau khi trừ các khoản chi phí cần thiết, hợp lệ, được phân chia theo quy định pháp luật.

Điều 8. Điều khoản chung.

1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu một trong hai bên có yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung hoặc có căn cứ để chấm dứt thực hiện Hợp đồng thì phải thông báo cho bên kia ít nhất là 15 ngày làm việc trước khi tiến hành sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt thực hiện Hợp đồng, xác định trách nhiệm của mỗi bên và hình thức xử lý. Các sửa đổi, bổ sung (nếu có) phải lập thành văn bản có đầy đủ chữ ký của các bên và được coi là bộ phận của Hợp đồng và là căn cứ để nghiệm thu kết quả của Dự án.

2. Khi một trong hai bên gặp phải trường hợp bất khả kháng dẫn đến việc không thể hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ đã thỏa thuận trong Hợp đồng thì có trách nhiệm thông báo cho Bên kia trong 10 ngày làm việc kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Hai bên có trách nhiệm phối hợp xác định nguyên nhân và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

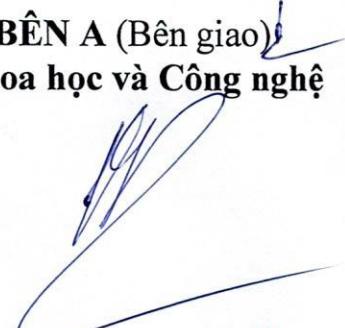
3. Hai bên cam kết thực hiện đúng các quy định của Hợp đồng và có trách nhiệm hợp tác giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện. Bên vi phạm các cam kết trong Hợp đồng phải chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật.

4. Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng do các bên thương lượng hòa giải để giải quyết. Trường hợp không hòa giải được thì một trong hai bên có quyền khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Điều 9. Hiệu lực của Hợp đồng.

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký hợp đồng. Hợp đồng này được lập thành 10 bản và có giá trị như nhau, Bên A giữ 06 bản, Bên B giữ 04 bản./.

BÊN A (Bên giao)
Sở Khoa học và Công nghệ


Huỳnh Minh Tuấn

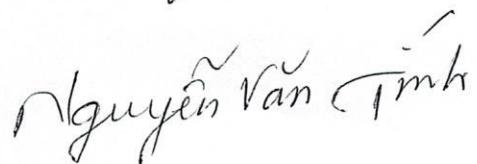
BÊN B (Bên nhận)
Cơ quan chủ trì Dự án



Đặng Thị Thương

Chủ nhiệm Dự án


Banh


Nguyễn Văn Tính

PHỤC LỤC 1
NỘI DUNG VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DỰ ÁN
(Kèm theo Hợp đồng số /2020/HĐ-SKHCN)

TT	Các nội dung, công việc	Kết quả đạt được	Tiến độ thực hiện	
			Bắt đầu	Kết thúc
1	Xây dựng thuyết minh nhiệm vụ	Thuyết minh được hội đồng thông qua	2020	2020
2	Nội dung 1: Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất phân hữu cơ	Quy trình công nghệ sản xuất phân hữu cơ	2020	2020
3	Nội dung 2: Xây dựng mô hình sản xuất phân hữu cơ với năng lực sản xuất 10.000 tấn phân bón/năm.			
3.1	Công việc 1: Xây dựng mô hình nhà xưởng, hạ tầng kỹ thuật và máy móc đáp ứng nhu cầu dự án (năng lực sản xuất 10.000 tấn/năm)	Nhà xưởng, hạ tầng kỹ thuật và máy móc đáp ứng nhu cầu dự án (năng lực sản xuất 10.000 tấn/năm)	2020	2020
3.2	Công việc 2: Tổ chức đào tạo cán bộ kỹ thuật và quản lý về quy trình kỹ thuật dây chuyền sản xuất phân bón	Cán bộ kỹ thuật và quản lý nắm vững và có thể vận hành quy trình kỹ thuật dây chuyền sản xuất phân bón	2020	2020
3.3	Công việc 3: Tổ chức đào tạo cán bộ kỹ thuật, công nhân lao động tập huấn kiến thức chuyên môn về phân bón	Cán bộ kỹ thuật, công nhân lao động nắm được kiến thức chuyên môn về phân bón	2020	2020
4	Nội dung 3: Tổ chức sản xuất phân hữu cơ với chất lượng đạt yêu cầu theo quy định hiện hành (600 tấn/03 loại phân bón)	Phân hữu cơ với chất lượng đạt yêu cầu theo quy định hiện hành (600 tấn/03 loại phân bón)	2020	2021
4.1	Công việc 1: Thu gom vận chuyển bùn thải	Đáp ứng yêu cầu sản xuất của dự án.	2020	2021
4.2	Công việc 2: Vận hành sản xuất thử nghiệm	Phân hữu cơ với chất lượng đạt yêu cầu theo quy định hiện hành (600 tấn/03 loại phân bón)	2020	2021

TT	Các nội dung, công việc	Kết quả đạt được	Tiến độ thực hiện	
			Bắt đầu	Kết thúc
4.3	Công việc 3: Đăng ký lưu hành phân hữu cơ	Sản phẩm phân hữu cơ được phép lưu hành	2021	2022
5	Nội dung 4: Thử nghiệm phân bón trên cây trồng	Báo cáo kết quả thử nghiệm phân bón trên cây trồng.	2020	2021
5.1	Công việc 1: Đánh giá hiệu lực phân hữu cơ trên cây lúa	Báo cáo kết quả thử nghiệm phân bón trên cây lúa	2020	2021
5.2	Công việc 2: Đánh giá hiệu lực phân hữu cơ trên cây ót	Báo cáo kết quả thử nghiệm phân bón trên cây ót.	2020	2021
5.3	Công việc 3: Đánh giá hiệu lực phân hữu cơ trên cây quýt đường	Báo cáo kết quả thử nghiệm phân bón trên cây quýt đường.	2020	2021
6	Hội thảo khoa học	Ý kiến đóng góp của các thành viên dự hội thảo	2022	2022
7	Viết báo cáo tổng kết	Báo cáo khoa học tổng kết dự án	2022	2022
8	Nghiệm thu cấp cơ sở	Dự án được hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở thông qua	2022	2022
9	Nghiệm thu cấp tỉnh	Dự án được hội đồng nghiệm thu cấp tỉnh thông qua	2022	2022

PHỤ LỤC 2
KINH PHÍ VÀ TIẾN ĐỘ CẤP KINH PHÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN
(Kèm theo Hợp đồng số /2020 /HĐ-SKHCN)

ĐVT: đồng

TT	Các nội dung, công việc	Mục chi	Tổng kinh phí	Tiến độ hoàn thành		
				Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
A	Công lao động và chi khác (Kinh phí giao khoán)		669.272.400	373.460.300	237.686.100	58.126.000
I	Khoản 1a: Công lao động trực tiếp		443.467.400	265.450.300	149.856.100	28.161.000
1	Xây dựng thuyết minh dự án	7000	14.080.500	14.080.500		
2	Báo cáo tổng kết dự án	7000	28.161.000			28.161.000
3	Nội dung 1: Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất phân hữu cơ	7000	19.578.600			19.578.600
	Thử nghiệm, xác định tỷ lệ phối trộn bùn thải, tro trấu, xơ dừa tối ưu, hoàn thiện quy trình sản xuất phân hữu cơ		19.578.600			19.578.600
4	Nội dung 2: Xây dựng mô hình sản xuất phân hữu cơ với năng lực sản xuất 10.000 tấn phân bón/năm.	7000	81.935.100	81.935.100		
4.1	Công việc 1: Xây dựng mô hình nhà xưởng, hạ tầng kỹ thuật và máy móc thiết bị phục vụ nhu cầu dự án.		68.391.000	68.391.000		
4.2	Công việc 2: Tổ chức đào tạo cán bộ kỹ thuật và quản lý		3.039.600	3.039.600		

TT	Các nội dung, công việc	Mục chi	Tổng kinh phí	Tiến độ hoàn thành		
				Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
	về quy trình kỹ thuật dây chuyền sản xuất phân bón					
4.3	Công việc 3: Tổ chức đào tạo cán bộ kỹ thuật, công nhân lao động tập huấn kiến thức chuyên môn về phân bón		10.504.500	10.504.500		
5	Nội dung 3: Tổ chức sản xuất phân hữu cơ với chất lượng đạt yêu cầu theo quy định hiện hành.	7000	178.621.200	89.310.600	89.310.600	
	<i>Công việc 2: Vận hành sản xuất thử nghiệm dây chuyền máy móc thiết bị và tổ chức sản xuất thử nghiệm phân bón Công việc 4: Lập hồ sơ đăng ký lưu hành sản phẩm phân hữu cơ tại Việt Nam</i>		178.621.200	89.310.600	89.310.600	
6	Nội dung 4: Thủ nghiệm phân bón trên cây trồng	7000	121.091.000	60.545.500	60.545.500	
6.1	<i>Công việc 1,2,3: Đánh giá hiệu lực phân hữu cơ trên cây cây lúa và cây ót và cây quýt</i>		113.091.000	56.545.500	56.545.500	
6.2	Báo cáo thử nghiệm		8.000.000	4.000.000	4.000.000	
II	Khoản 1b: Công lao động thuê mướn	6750	69.420.000	34.866.000	34.554.000	
1	Nội dung 1: Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất phân hữu cơ					

TT	Các nội dung, công việc	Mục chi	Tổng kinh phí	Tiến độ hoàn thành		
				Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
	Công việc 2: Thủ nghiệm, xác định tỉ lệ phổi trộn bùn thải, tro trấu, xơ dừa tối ưu để hoàn thiện quy trình sản xuất phân hữu cơ		312.000	312.000		
2	Nội dung 3: Tổ chức sản xuất phân hữu cơ với chất lượng đạt yêu cầu theo quy định hiện hành.					
	Công việc 2: Vận hành sản xuất thử nghiệm dây chuyền máy móc thiết bị và tổ chức sản xuất thử nghiệm phân bón		6.708.000	3.354.000	3.354.000	
3	Nội dung 4: Thủ nghiệm phân bón trên cây trồng					
	Công việc 1: Đánh giá hiệu lực phân hữu cơ trên cây trồng		62.400.000	31.200.000	31.200.000	
III	Khoản 2: Thuê chuyên gia trong nước	6750	30.000.000	15.000.000	15.000.000	
IV	Khoản 4: Chi khác		126.385.000	58.144.000	38.276.000	29.965.000
1	Nội dung 2: Xây dựng mô hình sản xuất phân hữu cơ với năng lực sản xuất 10.000 tấn phân bón/năm.	6650				
	Tổ chức đào tạo cán bộ kỹ thuật và quản lý về quy trình kỹ thuật dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất phân bón		11.500.000	11.500.000		

TT	Các nội dung, công việc	Mục chi	Tổng kinh phí	Tiến độ hoàn thành		
				Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
2	Nội dung 3: Tổ chức sản xuất phân hữu cơ với chất lượng đạt yêu cầu theo quy định hiện hành.	7000				
	Lập hồ sơ đăng ký lưu hành phân hữu cơ tại Việt Nam		17.400.000	17.400.000		
3	Nội dung 4: Thủ nghiệm sản phẩm phân bón trên cây trồng: cây lúa và, cây ớt và cây quýt hoặc chanh	6700				
	Công tác phí		15.360.000	7.680.000	7.680.000	
4	Hội thảo khoa học	6650	10.150.000			10.150.000
5.	Chi phí đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở	7000	7.790.000			7.790.000
6.	Văn phòng phẩm	6550	10.000.000	3.500.000	3.500.000	3.000.000
7.	Quản lý chung nhiệm vụ KH&CN (4%)	7049	54.185.000	18.064.000	27.096.000	9.025.000
B	Nguyên vật liệu, năng lượng và chi khác (Kinh phí không giao khoán)		739.530.000	355.674.500	383.855.500	
I	Khoản 3: Nguyên vật liệu, năng lượng	7000	687.711.000	343.855.500	343.855.500	
II	Khoản 4: Chi khác		51.819.000	11.819.000	40.000.000	
1	Nội dung 1: Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất phân hữu cơ		11.819.000	11.819.000		
	Thuê phân tích mẫu	7000	11.819.000	11.819.000		

TT	Các nội dung, công việc	Mục chi	Tổng kinh phí	Tiến độ hoàn thành		
				Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
2	Đăng ký bảo hộ SHCN	7000	40.000.000		40.000.000	
Tổng cộng kinh phí			1.408.802.400	729.134.800	621.541.600	58.126.000